

Bản án số: 28/2024/DS-ST  
Ngày: 24/4/2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Kim Quyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Liêu Văn Lộc;
- Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1990 – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật L; (có mặt)

Nơi cư trú: số B, đường L, ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

SĐT: 0966279612

2. Bị đơn: Anh Hồ Duy K, sinh năm 1992; (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

SĐT: 0983027505

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn anh Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1990 – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật L trình bày:

Trước đây, anh là giám đốc của [Công ty TNHH T](#), do sau dịch Covid19, tình hình kinh tế khó khăn, không đủ điều kiện để duy trì công ty nên ông đã chuyển đổi thành [hộ kinh doanh bảo vệ thực vật L](#).

Trước đây anh [Hò Duy K](#) là nhân viên của [Công ty TNHH T](#). Sau khi thu tiền công nợ của khách hàng, anh [K](#) không nộp tiền về cho công ty mà chiếm dụng số tiền đó vào việc cá nhân của anh [K](#) với số tiền là 40.000.000 đồng.

Ngày 19/01/2022, anh và anh [K](#) có hòa giải tại [Ủy ban nhân dân xã A](#). Nhận thấy, anh [K](#) không có khả năng thanh toán hết 01 lần và cũng là nhân viên của công ty nên đại diện Công ty đã đồng ý cho anh [K](#) chia ra nhiều đợt trả và thống nhất sẽ trả 3.000.000 đồng/tháng, thanh toán vào ngày 10 tây hàng tháng cho đến khi anh [K](#) thanh toán hết nợ. Công ty không tính lãi suất đối với số tiền chậm nộp của anh [K](#).

Sau đó, anh [K](#) có thanh toán bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng vào các đợt sau:

- Ngày 10/01/2022, chuyển trả số tiền 5.000.000 đồng, còn nợ 35.000.000 đồng.
- Ngày 11/02/2022, chuyển trả số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 32.000.000 đồng.
- Ngày 14/3/2022, chuyển trả số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 29.000.000 đồng.
- Ngày 25/4/2022, chuyển trả số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 26.000.000 đồng.
- Ngày 05/6/2022, chuyển trả số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 23.000.000 đồng.
- Ngày 10/7/2022, chuyển trả số tiền 3.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng.

Sau ngày 10/7/2022 đến nay, anh [K](#) không trả nợ như đúng cam kết tại biên bản hòa giải ở [xã A](#) và cố tình trì hoãn không thanh toán số tiền còn lại. Từ đó, anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#) khởi kiện yêu cầu Toà án buộc anh [Hò Duy K](#) phải trả cho [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#) (Trước đây là [Công ty TNHH T](#)) số tiền còn thiếu (nợ gốc) là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/01/2022 đến khi kết thúc vụ kiện.

\* Bị đơn anh [Hò Duy K](#) trình bày:

Trước đây anh là nhân viên của [Công ty TNHH T](#) do anh [Nguyễn Trung Đ](#) làm giám đốc. Trong quá trình làm việc anh có đi thu công nợ cho công ty, quá trình thu công nợ anh có giữ lại của công ty số tiền là 40.000.000 đồng, anh đã sử dụng số tiền này vào mục đích cá nhân. Ngày 19/01/2022, anh có thỏa thuận với phía anh [Đ](#) tại [Ủy ban nhân dân xã A](#), anh xin trả hàng tháng cho anh [Đ](#) số tiền 3.000.000 đồng đến khi hết số tiền 40.000.000 đồng. Sau đó, anh đã chuyển khoản

cho anh [Đ](#) được 06 lần, như anh [Đ](#) trình bày, tổng cộng số tiền chuyển khoản là 20.000.000 đồng. Hiện tại anh còn nợ của anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#) (trước đây là [Công ty TNHH T](#)) số tiền là 20.000.000 đồng. Anh đồng ý trả số tiền này cho anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát, nhưng do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, vợ đang sắp sinh con nhỏ, anh phải nuôi đến 04 người nên xin được trả dần là 500.000 đồng/tháng đến khi dứt số nợ 20.000.000 đồng, đồng thời xin không trả lãi đối với số tiền này.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật [Lộc P](#) trình bày: Xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu anh [K](#) trả một lần cho anh số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

- Bị đơn anh [Hồ Duy K](#) vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh [K](#) chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#) rút yêu cầu tính lãi đối với bị đơn anh [Hồ Duy K](#), đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 20.000.000 đồng, buộc bị đơn anh [Hồ Duy K](#) phải trả một lần cho nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát số tiền 20.000.000 đồng.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

1.1 *Về quan hệ pháp luật:* nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#) khởi kiện yêu cầu bị đơn anh [Hồ Duy K](#) trả số tiền 20.000.000 đồng đây là tranh chấp về quyền sở hữu tài sản, cụ thể là đòi tài sản là tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 166 Bộ luật dân sự.

1.2 *Về thẩm quyền giải quyết:* Theo biên bản xác minh ngày 12/3/2024 tại [Công an xã A, huyện C, tỉnh An Giang](#) xác nhận anh [Hồ Duy K](#) hiện có đăng ký thường trú tại [ấp B, xã A, huyện C, tỉnh An Giang](#) căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh [Hồ Duy K](#) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh [K](#).

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát thấy:

Căn cứ biên bản làm việc về việc tranh chấp nợ dân sự ngày 19/11/2022 tại [Ủy ban nhân dân xã A](#), căn cứ lời khai của nguyên đơn anh [Đ](#) và sự thừa nhận nợ bị đơn anh [Hồ Duy K](#) đã xác định được anh [K](#) còn nợ anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát số tiền 20.000.000 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”.

Mặt khác, căn cứ quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật*”. Do đó việc anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#) khởi kiện yêu cầu anh [K](#) trả số tiền 20.000.000 đồng mà anh [K](#) đã chiếm hữu và sử dụng là có căn cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh [K](#) đồng ý trả số tiền trên cho anh [Đ](#), tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn xin được trả dần là 500.000đồng/tháng nhưng không được nguyên đơn anh [Đ](#) chấp nhận, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét yêu cầu này của anh [K](#).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật [Lộc P](#) buộc anh [Hồ Duy K](#) phải cho anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát một lần số tiền 20.000.000 đồng.

\* *Về lãi suất*: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn anh [Đ](#) khởi kiện yêu cầu bị đơn anh [K](#) phải trả cho anh số tiền còn thiếu (nợ gốc) là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/01/2022 đến khi kết thúc vụ kiện. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh [Đ](#) xin rút yêu cầu tính lãi đối với anh [K](#). Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh [Đ](#) là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật [Lộc P](#) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn anh [K](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng x 5% = 1.000.000 đồng.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 166 Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

**Xử:**

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát đối với bị đơn anh [Hồ Duy K](#) về việc yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/01/2022 đến khi kết thúc vụ kiện.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh [bảo vệ thực vật L](#). Buộc bị đơn anh [Hồ Duy K](#) trả cho [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật [Lộc P](#) số tiền là: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

Anh [Nguyễn Trung Đ](#) – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật [Lộc P](#) được nhận lại số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004372 ngày 15/12/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Anh [Hồ Duy K](#) phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Trung Đ – Chủ hộ kinh doanh bảo vệ thực vật Lộc Phát được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Hồ Duy K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Kim Quyên**

)

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

- (1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).
- (2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm

2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Toà án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là



người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*